

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TP
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **51/2017/HNGĐ-ST**
Ngày: 17/7/2017
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TP, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Gia

Ông Nguyễn Trọng Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Văn Năng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017, tại Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2017, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2017/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện TP giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị Ái L, sinh năm 1984

Địa chỉ cư trú: Số 528, tổ 2, ấp 6, xã T, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

2. Bị đơn: Anh Trương Văn H, sinh năm 1986

Nơi ĐKKHKT: Thôn Xuân Nam, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ tạm trú: Số 528, tổ 2, ấp 6, xã T, huyện TP, tỉnh Đồng Nai.

(Tại phiên tòa: Có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 16/01/2017, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Đoàn Thị Ái L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đoàn Thị Ái L và anh Trương Văn H tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/7/2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống cùng với gia đình cha mẹ ruột của chị L tại địa chỉ: Số 528, tổ 2, ấp 6, xã T, huyện TP, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống chung hạnh phúc đến đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H có quan hệ với người phụ nữ khác. Chị L đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh H không nghe mà còn đánh đập chị. Vì thương con, chị L vẫn cố gắng chịu đựng những mong anh H suy nghĩ lại để vợ chồng cùng chia sẻ trách nhiệm nuôi con, nhưng anh H không thay đổi làm cho tình cảm vợ chồng không hòa thuận, luôn bất đồng với nhau. Tình trạng

như vậy kéo dài cho đến cuối năm 2016, anh H vẫn thường xuyên vắng nhà, không quan tâm tới chị và các con. Thực tế, chị L và anh H vẫn sống chung với nhau nhưng từ năm 2014 cho đến nay giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Chị L nhận thấy tình cảm của chị đối với anh H không còn nên chị L viết đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh H.

- Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là Trương Tâm A, sinh ngày 12/8/2010 và Trương Ngọc Bảo H, sinh ngày 14/4/2015. Các cháu đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị L có nguyện vọng tiếp tục nuôi các cháu mà không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, chị L vừa làm nghề uốn tóc và bán nước giải khát vừa chăn nuôi tại nhà cha mẹ ruột với mức thu nhập bình quân trên 6.000.000đ/tháng. Vì vậy, chị đủ khả năng nuôi dưỡng các cháu.

- Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung: Chị L kê khai không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, kèm theo đơn khởi kiện, chị L có cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: Giấy chứng minh nhân dân của anh H (Bản sao); Sổ hộ khẩu của chị L (Bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của con chung (bản sao); Giấy xác nhận tạm trú của anh H (bản chính). Những tài liệu, chứng cứ nêu trên Tòa án đã sao gửi cho anh H và anh H không có ý kiến gì đối với những tài liệu chứng cứ này.

Để có cơ sở giải quyết vụ án, Tòa án đã thu thập tài liệu, chứng cứ gồm: Các biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân của chị L, anh H vào ngày 14/5/2017 và biên bản xác minh nơi ở, nơi tạm trú của anh H vào ngày 17/5/2017 có xác nhận của chính quyền địa phương. Tài liệu, chứng cứ mà Tòa án thu thập được đã thông báo cho các bên đương sự biết và các đương sự không có ý kiến gì.

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Nguyên đơn chị L không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ các bên đã cung cấp cũng như các tài liệu, chứng cứ mà tòa án đã thu thập được và không bổ sung tài liệu chứng cứ nào khác. Bị đơn anh H vắng mặt đã được tòa án ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, vắng mặt anh H, chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn với anh H. Chị L không bổ sung thêm tài liệu chứng cứ hay yêu cầu triệu tập thêm người tham gia tố tụng khác.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát huyện TP tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng trình tự tố tụng theo quy định đối với một phiên tòa sơ thẩm.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L cho chị Đoàn Thị Ái L được ly hôn với anh Trương Văn H;

+ Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao các cháu Trương Tâm A, sinh năm 2010 và cháu Trương Ngọc Bảo H, sinh năm 2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng và tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh H.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi đương sự có đơn yêu cầu.

+ Về án phí: Chị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Ngày 16/01/2017, chị Đoàn Thị Ái L khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Trương Văn H. Vì vậy, xác định nguyên đơn là chị L, bị đơn là anh H.

- Chị L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H và yêu cầu tòa án giải quyết về việc nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Anh H có đăng ký tạm trú tại xã T, huyện TP, tỉnh Đồng Nai nên Tòa án có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân huyện TP, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Tại phiên tòa, anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ anh H theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Hôn nhân giữa chị L và anh H có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật vì vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do chị L cung cấp và kết quả xác minh, thu thập chứng cứ của tòa án có trong hồ sơ vụ án cho thấy: Chị L và anh H chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H thường xuyên vắng nhà và ít quan tâm tới gia đình, chị L nghi ngờ anh H có quan hệ vợ người phụ nữ khác dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, đời sống chung luôn bất hòa. Bản thân anh H thường xuyên vắng nhà nên mọi công việc gia đình do mình chị L gánh vác. Thực tế, chị L và anh H vẫn sống chung với nhau nhưng từ năm 2014 cho đến nay giữa vợ chồng không có sự quan tâm, chăm sóc gì đến nhau nữa.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh H không đến tòa làm việc nên không thể hiện được ý kiến của anh H đối với yêu cầu của chị L. Tại phiên tòa, anh H vắng mặt điều này chứng tỏ anh H bỏ mặc, không quan tâm đến yêu cầu xin ly hôn của chị L cũng như hôn nhân giữa anh chị. Xét thấy hôn nhân giữa chị L và anh H không có H phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn là có cơ sở.

[3] Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là Trương Tâm A, sinh ngày 12/8/2010 và Trương Ngọc Bảo H, sinh ngày 14/4/2015. Khi ly hôn, chị L và anh H đều có quyền nuôi dưỡng con chung. Xét thấy hiện tại chị L đang có nơi ở và công việc ổn định với mức thu nhập bình quân theo chị L khai trên 6.000.000đ/tháng, bản thân anh H làm nghề lái xe thường xuyên vắng nhà và không có nơi cư trú ổn định. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, anh H đều vắng mặt, chị L yêu cầu được quyền nuôi dưỡng con chung. Xét thấy cháu A và cháu H đang do chị L trực tiếp nuôi dưỡng nên cần tiếp tục giao các cháu cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng, nhằm đảm bảo quyền lợi cho các cháu là có cơ sở. Chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con

nên không xem xét về mức cấp dưỡng nuôi con đối với anh H. Khi nào có tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L trình bày không có. Quá trình tố tụng và tại phiên tòa, anh H không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến, yêu cầu gì về giải quyết tài sản chung, nợ chung và chị L không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 235 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.
- Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đoàn Thị Ái L

1. Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị Ái L được ly hôn với anh Trương Văn H.
2. Về con chung: Giao các cháu Trương Tâm A, sinh ngày 12/8/2010 và Trương Ngọc Bảo H, sinh ngày 14/4/2015 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các đương sự có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 005540 ngày 28/02/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện TP, tỉnh Đồng Nai sẽ chuyển thành án phí.

Chị L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân huyện TP;
- Chi cục THADS huyện TP;
- UBND xã T (Số 50/2010, ngày 23/7/2010)
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hà Văn Phi